



cǐ lèi
此类

determiner phrase · this kind; such

Example Sentences

Cǐ lèi wèn tí hěn jiǎn dān
此类问题很简单。

This kind of problem is very simple.

Cǐ lèi shì jiàn bù yīng zài cì fā shēng
此类事件不应再次发生。

Such incidents should not happen again.

Gōng sī jìn zhǐ cǐ lèi xíng wéi wéi zhě jiāng shòu chǔ fá
公司禁止此类行为，违者将受处罚。

The company prohibits such behavior, and violators will be punished.

Trace each character, then write the word on your own.

此	此	此	此	此	此	此	此	此		
类	类	类	类	类	类	类	类	类	类	类
类										